

Số: 2029 /QĐ-BKHHCN

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình hành động của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26/02/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

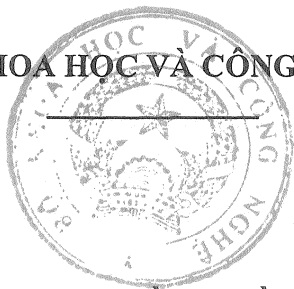
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Lưu: VT, VP, KHTH.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Quân



CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2029 /QĐ-BKH&CN ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Ngày 12 tháng 3 năm 2015, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016. Để triển khai Nghị quyết số 19/NQ-CP, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) xây dựng chương trình hành động với những nội dung chính sau đây:

I. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường hoạt động quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm và hàng hóa

a) Tổ chức triển khai thực hiện Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, áp dụng dịch vụ công trực tuyến phù hợp với cơ chế Hải quan một cửa; khắc phục tình trạng trùng lặp về các yêu cầu quản lý, kiểm tra chất lượng sản phẩm. Sửa đổi, bổ sung Nghị định 89/2006/NĐ-CP về ghi nhãn hàng hóa, bổ sung hướng dẫn về công nhận sự phù hợp của các nước có tiêu chuẩn kỹ thuật cao và nhãn hiệu nổi tiếng. Triển khai thủ tục "kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN thực hiện trên hệ thống một cửa quốc gia".

b) Thúc đẩy hoạt động nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa thông qua các hoạt động: tuyên truyền, phổ biến kiến thức về năng suất chất lượng; tư vấn áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất chất lượng cho doanh nghiệp; đào tạo nhân lực về năng suất chất lượng cho các doanh nghiệp; hoàn thiện phương pháp tính toán năng suất cấp quốc gia, cấp ngành, cấp địa phương và doanh nghiệp.

c) Phát triển hệ thống tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia theo hướng tăng cao tỷ lệ hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực. Tăng cường áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; triển khai hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về đo lường, chất lượng đối với hàng hóa trong nước

và xuất nhập khẩu; tăng cường hoạt động khảo sát nắm tình hình và diễn biến chất lượng trên thị trường, tổ chức kiểm tra đột xuất khi có phản ánh của báo chí, người tiêu dùng. Xây dựng mạng lưới tổ chức đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp tiêu chuẩn quốc gia đối với sản phẩm, hàng hóa chủ lực.

d) Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống TCVN đến năm 2020. Xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đáp ứng yêu cầu quản lý các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn, vệ sinh và ô nhiễm môi trường. Đào tạo nâng cao năng lực xây dựng tiêu chuẩn cho các Bộ, ngành và doanh nghiệp.

đ) Đầu tư nâng cao năng lực của Viện năng suất Việt Nam thành Viện Năng suất quốc gia đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

e) Tổ chức và quản lý hoạt động mạng lưới cơ quan thông báo và hỏi đáp hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT); Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của các Bộ, ngành; hệ thống thông tin cảnh báo trong nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa kết nối với hệ thống cảnh báo quốc tế.

2. Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý và hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

a) Rà soát sửa đổi các quy định về sở hữu trí tuệ để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, thông thoáng cho các nhà đầu tư.

b) Tăng cường hỗ trợ, xác lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho tổ chức, cá nhân. Triển khai các giải pháp nâng cao năng lực, hiệu quả của hệ thống bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, góp phần lành mạnh hóa môi trường kinh doanh, thu hút các nguồn đầu tư vào các hoạt động sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

c) Đề xuất chính sách tiếp tục hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020; hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp, địa phương đăng ký xác lập quyền và bảo vệ tài sản trí tuệ cho hàng xuất khẩu, đặc biệt ở các thị trường tiềm năng của Việt Nam. Tiếp tục nâng cao nhận thức của toàn xã hội, đặc biệt là các doanh nghiệp về sở hữu trí tuệ; đẩy mạnh việc nghiên cứu những vấn đề cấp thiết hiện nay về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tăng cường công tác đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ trong hệ thống sở hữu trí tuệ.

d) Trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ (năm 2018) đáp ứng các cam kết của Việt Nam khi tham gia các Hiệp định thương mại tự do và Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương.

3. Hình thành và phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo và vườn ươm công nghệ

a) Xây dựng và đưa vào hoạt động Viện KH&CN Việt Nam-Hàn Quốc (V-KIST) theo mô hình tiên tiến của thế giới, có đội ngũ cán bộ khoa học, cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Ban hành và áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù đối với V-KIST.

b) Triển khai hiệu quả Dự án “Đối tác đổi mới sáng tạo Việt Nam - Phần Lan” (IPP) và Dự án “Thúc đẩy đổi mới sáng tạo thông qua nghiên cứu, KH&CN” (FIRST), Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm (Chương trình 592) và các dự án, chương trình quốc gia đã được Thủ tướng phê duyệt.

c) Xây dựng và phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN, hướng tới việc thành lập các doanh nghiệp KH&CN. Xây dựng kế hoạch phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

d) Xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp triển khai nghiên cứu, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Triển khai các chương trình quốc gia hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

đ) Xây dựng và phát triển mạng lưới các tổ chức dịch vụ KH&CN, trong đó chú trọng dịch vụ chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng; hỗ trợ nâng cao năng lực cho các Trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ của địa phương. Đầu tư xây dựng các sàn giao dịch công nghệ quốc gia tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng kết nối với các sàn giao dịch công nghệ, các doanh nghiệp trong khu vực và thế giới. Đào tạo khởi nghiệp, quản trị doanh nghiệp KH&CN, phát triển nguồn nhân lực cho các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN.

4. Đẩy mạnh việc nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong các tổ chức KH&CN; khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu phát triển và ứng dụng KH&CN; phát triển quỹ đầu tư mạo hiểm về KH&CN

a) Trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Chuyển giao công nghệ (năm 2016) đáp ứng các yêu cầu đổi mới, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng-an ninh.

b) Rà soát, tổ chức lại các chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước. Tập trung nguồn lực để thực hiện các chương trình KH&CN trọng điểm và chương trình KH&CN quốc gia.

c) Thúc đẩy hoạt động ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống. Hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu đổi mới quản lý, đổi mới công nghệ để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa và hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.

d) Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ trong các ngành, lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, y-dược, giao thông, xây dựng, năng lượng, khoa học và công nghệ biển, khoa học và công nghệ quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, khoa học và công nghệ vũ trụ.

đ) Xây dựng và khai thác có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu KH&CN quốc gia và của các bộ, ngành, địa phương. Công khai thông tin về việc thực hiện và kết quả ứng dụng nhiệm vụ KH&CN các cấp.

e) Xây dựng chính sách và bố trí nguồn lực để hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; xã hội hoá dịch vụ tra cứu thông tin sở hữu công nghiệp, hỗ trợ khai thác nguồn thông tin sáng chế ở trong và ngoài nước phục vụ nghiên cứu khoa học và sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ nghiên cứu giải mã, làm chủ công nghệ được chuyển giao ở trong nước và từ nước ngoài.

g) Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ ở địa phương đẩy nhanh tốc độ đổi mới công nghệ. Hình thành một số khu công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản và chế biến sau thu hoạch. Hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Chú trọng phát triển sản xuất sản phẩm nông nghiệp sạch với quy mô công nghiệp phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng nông thôn mới.

h) Khảo sát, đánh giá hiện trạng, năng lực công nghệ và nhu cầu đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ để định hướng nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ trong các ngành lĩnh vực, địa phương và doanh nghiệp. Tổ chức thường xuyên các ngày hội khởi nghiệp, sự kiện kết nối cung - cầu công nghệ, chợ công nghệ thiết bị, các hoạt động trình diễn, giới thiệu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo.

i) Khuyến khích thành lập các viện nghiên cứu phát triển, doanh nghiệp KH&CN có vốn đầu tư nước ngoài và thành lập chi nhánh của các viện nghiên cứu có uy tín của nước ngoài ở Việt Nam.

k) Nghiên cứu cơ chế đầu tư của nhà nước vào hoạt động đầu tư mạo hiểm và thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao. Khuyến khích các tổ chức KH&CN liên kết với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, đào tạo nhân lực. Hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập tổ chức nghiên cứu phát triển và quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp. Xây dựng cơ chế khuyến khích khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ các trường đại học, viện nghiên cứu. Khuyến khích tư nhân thành lập hoặc liên kết với Nhà nước thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm đối với hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ cao, hỗ trợ hoạt động ươm tạo công nghệ và doanh nghiệp khởi nghiệp.

l) Hoàn thiện cơ chế hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, hệ thống quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia hỗ trợ nghiên cứu trong nước, chuyển giao các công nghệ nguồn, công nghệ tiên tiến từ nước ngoài, hỗ trợ hoạt động nhập khẩu công nghệ, chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp để nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của các sản phẩm, hàng hóa đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá các ngành, các lĩnh vực trong nước và hướng tới xuất khẩu.

5. Thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích các nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam

a) Thực thi hiệu quả chính sách thu hút và trọng dụng cán bộ KH&CN theo Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam.

b) Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực KH&CN, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

c) Tiếp tục triển khai và phát huy hiệu quả vai trò của mạng lưới đại diện KH&CN Việt Nam ở nước ngoài. Thu hút các chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia vào các chương trình, dự án nghiên cứu, đào tạo nhân lực KH&CN tại Việt Nam.

d) Phát triển các tổ chức, tập thể nghiên cứu mạnh đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, đẩy mạnh việc hình thành một số trung tâm KH&CN hiện đại có liên kết với các tổ chức KH&CN tiên tiến của nước ngoài.

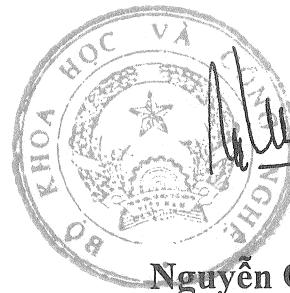
II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nội dung, nhiệm vụ chủ yếu trong Chương trình hành động này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN tổ chức thực hiện và cụ thể hóa thành các mục tiêu, nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm của đơn vị; tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các nội dung liên quan của Chương trình hành động.

2. Các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hành động, lồng ghép trong nội dung báo cáo công tác hàng quý, sáu (6) tháng và cuối năm của đơn vị gửi về Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Văn phòng Bộ (qua Phòng Tổng hợp) theo quy định; Định kỳ hàng quý tiến hành tổng kết, đánh giá việc triển khai thực hiện Chương trình hành động xây dựng báo cáo tổng kết gửi về Vụ Kế hoạch - Tổng hợp và Vụ Pháp chế để tổng hợp, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng Chính phủ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Vụ Kế hoạch - Tổng hợp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ, Vụ Pháp chế theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện Chương trình hành động. Trong quá trình tổ chức thực hiện chủ động báo cáo, kiến nghị với Bộ trưởng về các biện pháp cần thiết nhằm đảm bảo Chương trình hành động này được thực hiện hiệu quả.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Quân



Phụ lục

**DANH MỤC ĐỀ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 19/NQ-CP NGÀY 12 THÁNG 3 NĂM 2015 CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2029 /QĐ-BKHHCN ngày 12 tháng 8 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

| STT | Tên đề án | Cơ quan thực hiện | | Cấp trình | Thời gian trình | Ghi chú |
|-----|--|----------------------|-------------------------|---------------|-----------------|---------|
| | | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | | | |
| 1. | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, ngành, địa phương | Vụ Tài chính | Các đơn vị có liên quan | Cấp TTgCP | Tháng 8/2015 | |
| 2. | Quyết định Bộ trưởng ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam-Hàn Quốc (V-KIST) | Vụ Tổ chức cán bộ | Các đơn vị có liên quan | Cấp Bộ trưởng | Tháng 8/2015 | |
| 3. | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Quy chế tài chính của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam-Hàn Quốc (V-KIST) | Vụ Tài chính | Vụ Tổ chức cán bộ | Cấp Bộ trưởng | Tháng 8/2015 | |
| 4. | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ | Vụ Kế hoạch-Tổng hợp | Các đơn vị có liên quan | Cấp TTgCP | Tháng 8/2015 | |
| 5. | Hoàn thiện Đề án trình Bộ về xây dựng Viện Năng suất Quốc gia | Tổng cục TĐC | Các đơn vị có liên quan | Bộ trưởng | Tháng 8/2015 | |

| | | | | | | |
|----|--|-------------------|---|--------------------------|---------------|--|
| 6. | <p>Triển khai thủ tục "kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN thực hiện trên hệ thống một cửa quốc gia".</p> <p>Xây dựng Thông tư liên tịch giữa Bộ Tài chính và Bộ KH&CN Hướng dẫn kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN trên hệ thống một cửa quốc gia: Xây dựng yêu cầu nghiệp vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển hệ thống - Cài đặt, thử nghiệm hệ thống - Đào tạo - Chuẩn bị triển khai - Vận hành chính thức | Tổng cục TĐC | Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính | Bộ KH&CN và Bộ Tài chính | Tháng 8/2015 | |
| 7. | Thực hiện Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, áp dụng dịch vụ công trực tuyến phù hợp với cơ chế Hải quan một cửa; khắc phục tình trạng trùng lặp về các yêu cầu quản lý, kiểm tra chất lượng sản phẩm. | Tổng cục TĐC | Trung tâm Tin học | Cấp Tổng cục | Tháng 9/2015 | |
| 8. | Văn bản trình Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao | Vụ Công nghệ cao | Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp KH&CN | Cấp Bộ trưởng | Tháng 10/2015 | |
| 9. | Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước | Vụ Tổ chức cán bộ | Vụ Hợp tác quốc tế | Cấp TTgCP | Tháng 12/2015 | |

| | | | | | | |
|-----|---|---|-------------------------------------|---------------|---------------|--|
| 10. | Xây dựng và tiến hành các thủ tục trình phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020: Tăng cường và ưu tiên hỗ trợ bảo hộ sáng chế, các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của Việt Nam ra nước ngoài | Cục sở hữu trí tuệ | Các đơn vị có liên quan | Cấp TTgCP | Tháng 11/2015 | |
| 11. | Tiến hành các thủ tục đề nghị sửa đổi thông tư số 22/TT-BTC ngày 04/2/2009 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp | Cục sở hữu trí tuệ | Các đơn vị có liên quan | Cấp Bộ trưởng | Tháng 11/2015 | |
| 12. | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chính sách khuyến khích tư nhân thành lập hoặc liên kết với Nhà nước để thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm phát triển công nghệ mới, công nghệ cao | Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN | Các đơn vị có liên quan | Cấp TTgCP | Tháng 11/2015 | |
| 13. | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030 | Vụ Tổ chức cán bộ | Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN | Cấp TTgCP | Tháng 12/2015 | |
| 14. | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia “Thương mại hóa công nghệ theo mô hình thung lũng Silicon tại Việt Nam” | Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp KH&CN | Các đơn vị có liên quan | Cấp TTgCP | Tháng 12/2015 | |
| 15. | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình quốc gia hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo | Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp KH&CN | Các đơn vị có liên quan | Cấp TTgCP | Tháng 3/2016 | |

| | | | | | | |
|-----|---|---|--|---------------|---------------|--|
| 16. | Sửa đổi, bổ sung Nghị định 89/2006/NĐ-CP về ghi nhãn hàng hóa | Tổng cục TĐC | Vụ Pháp chế và các đơn vị | Cấp Chính phủ | Tháng 3/2016 | |
| 17. | Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 12/2013/TT-BKH&CN về xét duyệt và thẩm định các dự án KH&CN thuộc Chương trình sản phẩm quốc gia | Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế-kỹ thuật | Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan | Cấp Bộ trưởng | Tháng 3/2016 | |
| 18. | Thông tư quy định quản lý các dự án KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước | Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế-kỹ thuật | Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan | Cấp Bộ trưởng | Tháng 4/2016 | |
| 19. | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ các trường đại học, viện nghiên cứu | Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp KH&CN | Các đơn vị có liên quan | Cấp TT&CP | Tháng 6/2016 | |
| 20. | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng mô hình quỹ đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo | Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp KH&CN | Các đơn vị có liên quan | Cấp TT&CP | Tháng 6/2016 | |
| 21. | Nghị định sửa đổi, bổ sung (hoặc thay thế) Nghị định số 80/2007/NĐ-CP, Nghị định số 96/2010/NĐ-CP về doanh nghiệp khoa học và công nghệ | Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp KH&CN | Các đơn vị có liên quan | Cấp TT&CP | Tháng 9/2016 | |
| 22. | Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ | Vụ Đánh giá Thẩm định và Giám định công nghệ | Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan | Cấp Quốc hội | Tháng 10/2016 | |
| 23. | Sửa đổi Quyết định số 78/2013/QĐ-TTg ngày | Vụ Khoa học và | Các đơn vị có liên | Cấp TT&CP | Tháng | |

| | | | | | | |
|-----|--|---|--|---------------|---------------|--|
| | 25/12/2013 của TTCP về việc ban hành Danh mục và lộ trình phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phải loại bỏ và các tổ máy phát điện hiệu suất thấp không được xây dựng mới | Công nghệ các ngành kinh tế-kỹ thuật | quan | | 11/2016 | |
| 24. | Sửa đổi Quyết định số 439/QĐ-TTg ngày 16/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục sản phẩm quốc gia thực hiện từ năm 2012 thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 | Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế-kỹ thuật | Các đơn vị có liên quan | Cấp TTgCP | Tháng 12/2016 | |
| 25. | Thông tư liên tịch thay thế Thông tư số 06/2008/TTLT-BKH-CN-BTC-BNV, Thông tư số 17/2012/TTLT-BKH-CN-BTC-BNV hướng dẫn thực hiện Nghị định về doanh nghiệp khoa học và công nghệ | Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp KH&CN | Các đơn vị có liên quan | Cấp Bộ trưởng | Tháng 12/2016 | |
| 26. | Cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ sinh học | Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế-kỹ thuật | Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan | Cấp TTgCP | Tháng 8/2017 | |
| 27. | Sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ | Cục Sở hữu trí tuệ | Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan | Cấp Quốc hội | Năm 2018 | |